

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT
BỆNH TẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TM-KSBT

Nghệ An, ngày tháng năm 2024

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các công ty sản xuất, kinh doanh dược phẩm trên toàn quốc

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An xin trân trọng cảm ơn các đơn vị đã hợp tác với Trung tâm trong thời gian qua.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật đang xây dựng kế hoạch mua thuốc phục vụ nhu cầu chuyên môn năm 2024-2026. Để có thông tin tham khảo khi xây dựng kế hoạch phù hợp với quy định hiện hành, Trung tâm kính đề nghị quý công ty báo giá các thuốc có hoạt chất, hàm lượng, dạng bào chế, nhóm kỹ thuật theo danh mục. (phụ lục 1 đính kèm).

Đề nghị công ty báo giá nêu rõ hiệu lực trong vòng 120 ngày và vui lòng gửi báo giá có đóng dấu đỏ (theo mẫu tại phụ lục 2 đính kèm) về địa chỉ:

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, số 140, đường Lê Hồng Phong, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (đồng thời qua email: dauthauksbtna@gmail.com). Thời gian: Trong giờ hành chính trước 10h00 ngày 01/7/2024.

Mọi chi tiết, vướng mắc xin vui lòng liên hệ DS. Trần Nữ Trà My – Khoa Dược-Vật tư y tế- SĐT: 097.112.4104

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc TT (để báo cáo);
- Lưu: VT, Dược- VTYT.

GIÁM ĐỐC

Chu Trọng Trang

PHỤ LỤC I

(Kèm thư mời báo giá số

/TM-KSBT của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An ngày

/6/2024)

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng đề xuất	Ghi chú
1	Clotrimazol	0,15g/15g	Nhóm 4	Thuốc dùng ngoài	Dùng ngoài	Tuýp	600	
2	Clotrimazol	0,1g/10g	Nhóm 5	Thuốc dùng ngoài	Dùng ngoài	Tuýp	200	
3	Clotrimazol	0,2g/20g	Nhóm 5	Thuốc dùng ngoài	Dùng ngoài	Tuýp	400	
4	Clotrimazol + Betamethason dipropionat + Gentamicin	(100mg + 6,4mg + 10mg)/10g	Nhóm 4	Thuốc dùng ngoài	Dùng ngoài	Tuýp	200	
5	Fluocinolon acetonid	0,025%/15g	Nhóm 5	Thuốc dùng ngoài	Dùng ngoài	Tuýp	14.000	
6	Acid Fusidic + Betamethasone	(2% kl/kl + 0,1% kl/kl) (300mg + 15mg)/15g	Nhóm 1	Thuốc dùng ngoài	Dùng ngoài	Tuýp	10.000	

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng đề xuất	Ghi chú
7	Betamethasone	(0,05%kl/kl) 15mg/30g	Nhóm 2	Thuốc dùng ngoài	Dùng ngoài	Tuýp	11.000	
8	Betamethasone + Acid salicylic	(0,5mg + 30mg)/30g	Nhóm 2	Thuốc dùng ngoài	Dùng ngoài	Tuýp	10.000	
9	Estradiol	0,06% 80g	Nhóm 1	Thuốc dùng ngoài	Dùng ngoài	Tuýp/ Ống	100	
10	Progesteron	1% 80g	Nhóm 4	Thuốc dùng ngoài	Dùng ngoài	Ống/ Tuýp	400	
11	Dequalinium chloride	10mg	Nhóm 1	Viên đặt âm đạo	Đặt âm đạo	Viên	6.000	
12	Clotrimazole	500 mg	Nhóm 4	Viên đặt âm đạo	Đặt âm đạo	Viên	5.000	
13	Econazole	150mg	Nhóm 5	Viên đặt âm đạo	Đặt âm đạo	Viên	6.000	
14	Metronidazol + Clotrimazol	500mg + 100mg	Nhóm 4	Viên đặt âm đạo	Đặt âm đạo	Viên	10.000	

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng đề xuất	Ghi chú
15	Metronidazol + Chloramphenicol + Nystatin	225mg + 100mg + 75mg	Nhóm 5	Viên đặt âm đạo	Đặt âm đạo	Viên	10.000	
16	Metronidazol + Neomycin sulfate + Miconazole nitrate + Polymycin B sulfate	300mg + 48,8mg + 100mg + 4,4mg	Nhóm 5	Viên đặt âm đạo	Đặt âm đạo	Viên	4.000	
17	Metronidazole + Clotrimazole + Neomycin sulfat	500mg + 150mg + 200mg	Nhóm 5	Viên đặt âm đạo	Đặt âm đạo	Viên	10.000	
18	Metronidazole + Clotrimazole + Neomycin sulfat	500mg + 100mg + 83mg	Nhóm 5	Viên đặt âm đạo	Đặt âm đạo	Viên	10.000	
19	Metronidazole + Chloramphenicol + Nystatin + Dexamethasone acetate	225mg + 100mg + 75 mg + 0,5mg	Nhóm 5	Viên đặt âm đạo	Đặt âm đạo	Viên	20.000	
20	Nystatin	100.000 IU	Nhóm 5	Viên đặt âm đạo	Đặt âm đạo	Viên	3.000	
21	Progesterone	200mg	Nhóm 1	Viên	Đặt âm đạo/ Uống	Viên	4.000	

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng đề xuất	Ghi chú
22	Acid acetylsalicylic	100mg	Nhóm 4	Viên	Uống	Viên	1.800	
23	Acyclovir	800mg	Nhóm 2	Viên	Uống	Viên	2.000	
24	Alphachymotripsin	8.400IU	Nhóm 4	Viên	Uống	Viên	8.000	
25	Alphachymotrypsin	4.200IU	Nhóm 4	Viên	Uống	Viên	4.000	
26	Alverine	40mg	Nhóm 4	Viên	Uống	Viên	2.400	
27	Hyoscin butylbromid	10mg	Nhóm 1	Viên	Uống	Viên	3.000	
28	Amoxicilin	500mg	Nhóm 4	Viên	Uống	Viên	2.000	
29	Amoxicilin + Acid clavulanate	500mg + 125mg	Nhóm 1	Viên	Uống	Viên	6.000	
30	Azithromycin	500mg	Nhóm 4	Viên	Uống	Viên	400	
31	Cefixime	200mg	Nhóm 1	Viên	Uống	Viên	12.000	
32	Cefpodoxim	200mg	Nhóm 1	Viên	Uống	Viên	51.000	

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng đề xuất	Ghi chú
33	Cefuroxim 500 mg	500mg	Nhóm 4		Uống	Viên	11.000	
34	Cephalexin	500mg	Nhóm 4	Viên	Uống	Viên	40.000	
35	Doxycyclin	100mg	Nhóm 4	Viên	Uống	Viên	1.000	
36	Erythromycin	500mg	Nhóm 4	Viên	Uống	Viên	1.000	
37	Metronidazol	250mg	Nhóm 4	Viên	Uống	Viên	28.000	
38	Clomiphene citrate	50mg	Nhóm 5	Viên	Uống	Viên	2.000	
39	Desogestrel + Ethinylestradiol	0,15mg + 0,03mg	Nhóm 1	Viên	Uống	Viên	8.400	
40	Dydrogesterone	10mg	Nhóm 1	Viên	Uống	Viên	10.000	
41	Estradiol valerat	2mg	Nhóm 1	Viên	Uống	Viên	2.000	
42	Fluconazole	150mg	Nhóm 2	Viên	Uống	Viên	1.400	
43	Itraconazole	100mg	Nhóm 1	Viên	Uống	Viên	9.000	

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng đề xuất	Ghi chú
44	Itraconazole	100mg	Nhóm 4	Viên	Uống	Viên	2.000	
45	Levocarnitin	1g/10ml	Nhóm 4	Dung dịch /hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Tuýp/ Ống	300	
46	Lynestrenol	5mg	Nhóm 5	Viên	Uống	Viên	6.000	
47	Misoprostol	200mcg	Nhóm 5	Viên	Uống	Viên	24.000	
48	Paracetamol	500mg	Nhóm 1	Viên sủi	Uống	Viên	4.000	
49	Tranexamic acid	500mg	Nhóm 1	Viên	Uống	Viên	14.500	
50	L-Ornithin L-Aspartat + DL-Alpha tocopheryl	80mg + 50mg	Nhóm 4	Viên	Uống	Viên	360.000	
51	Calci gluconat + Sắt fumarat + Dlalphotocopheryl acetat + Acid folic	200mg + 30mg + 25 mg + 0,4mg	Nhóm 4	Viên	Uống	Viên	295.000	

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng đề xuất	Ghi chú
52	Sắt (dưới dạng phức chất Sắt (III) hydroxid polymaltose) + Acid folic	100 mg + 350 mcg	Nhóm 5	Viên	Uống	Viên	13.500	
53	Acid Folic	5mg	Nhóm 4	Viên	Uống	Viên	3.000	
54	Vitamin E	400mg	Nhóm 2	Viên	Uống	Viên	2.000	
55	Vitamin E	400UI	Nhóm 4	Viên	Uống	Viên	4.000	
56	Lydocain hydroclodrid	2%/ 2ml (40mg/2ml)	Nhóm 4	Thuốc tiêm	Tiêm	Lọ/ Ống	6000	
57	Nước cất pha tiêm	5 ml	Nhóm 4	Dung môi pha tiêm	Tiêm	Lọ/ Ống	3.200	
58	Oxytocin	5IU/1ml	Nhóm 5	Thuốc tiêm	Tiêm	Lọ/ Ống	6.000	
59	Albendazol	400mg	Nhóm 4	Viên	Uống	Viên	350.000	
60	Albendazol	400mg	Nhóm 2	Viên	Uống	Viên	270.000	

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng đề xuất	Ghi chú
61	Albendazol	200mg	Nhóm 4	Bột/ cốm/ hạt pha uống	Uống	Gói	28.000	
62	Albendazol	200mg	Nhóm 5	Viên	Uống	Viên	21.000	
63	Thiabendazol	500mg	Nhóm 4	Viên	Uống	Viên	10.000	
64	Praziquantel	600mg	Nhóm 4	Viên	Uống	Viên	6.000	
65	Ivermectin	6mg	Nhóm 4	Viên	Uống	Viên	38.000	
66	Ivermectin	3mg	Nhóm 4	Viên	Uống	Viên	19.500	
67	Triclabendazole	250mg	Nhóm 5	Viên	Uống	Viên	13.000	
68	Loratadin	10mg	Nhóm 1	Viên	Uống	Viên	30.000	
69	Loratadin	10mg	Nhóm 4	Viên	Uống	Viên	60.000	

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng đề xuất	Ghi chú
70	Desloratadine	(0,5mg/ml) x 50ml	Nhóm 4	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Lọ/ Ống	16.000	
71	Fexofenadin	180mg	Nhóm 1	Viên	Uống	Viên	9.000	
72	Fexofenadin	180mg	Nhóm 2	Viên	Uống	Viên	22.000	
73	Fexofenadin	120mg	Nhóm 2	Viên	Uống		22.000	
74	Fexofenadin	60mg	Nhóm 2	Viên	Uống		12.000	
75	Griseofulvin	500mg	Nhóm 4	Viên	Uống	Viên	10.000	
76	Methylprednisolone	4mg	Nhóm 2	Viên	Uống	Viên	13.000	
77	Methylprednisolone	4mg	Nhóm 1	Viên	Uống	Viên	4.000	
78	Methylprednisolone	16mg	Nhóm 1	Viên	Uống	Viên	25.000	

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng đề xuất	Ghi chú
79	Omeprazol	20mg	Nhóm 2	Viên	Uống	Viên	4.000	
80	Paracetamol	500mg	Nhóm 1	Viên nén	Uống	Viên	400	
81	Piracetam	800mg	Nhóm 1	Viên	Uống	Viên	10.000	
82	Sắt sulfat + Lysin HCl + Vitamin A + Vitamin B1 + Vitamin B2 + Vitamin PP + Vitamin B6 + Vitamin B12 + Vitamin D3 + Calci glycerophosphat + Magnesi gluconat	15mg + 30mg+ 500IU + 2,5mg + 2mg + 8mg + 2mg + 5,2mcg + 100IU + 8mg + 5mg	Nhóm 4	Viên	Uống	Viên	100.000	
83	Silymarin	70mg	Nhóm 4	Viên	Uống	Viên	55.000	

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng đề xuất	Ghi chú
84	Thành phần gồm: Lysin hydroclorid + Thiamin hydroclorid + Riboflavin sodium phosphat + Pyridoxin hypoclorid + Cholecalciferol + dl-alpha Tocopheryl acetat + Niacinamid + Dexpanthenol + Calci (dưới dạng Calci lactat pentahydrat)	(150mg + 1,5mg + 1,75mg + 3,0mg + 200IU + 7,5mg + 10,0mg + 5,0mg + 65,0mg) /7,5 ml	Nhóm 4	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Lọ/ Ống	18.000	
85	L-Ornithine L- Aspanrtate	500mg	Nhóm 4	Viên	Uống	Viên	110.000	
86	Vitamin A + Vitamin D3 + Vitamin B1 + Vitamin B2 + Vitamin B6 + Vitamin B3 + Vitamin B12 + Lysin hydrochlorid + Calci + Sắt + Magnesi	1000IU + 270IU + 2mg + 2mg + 2mg + 8mg + 3mcg + 30mg + 20mg + 1,5mg + 1mg	Nhóm 5	Viên	Uống	Viên	32.000	

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng đề xuất	Ghi chú
87	Arginin hydroclorid	500mg	Nhóm 4	Viên	Uống	Viên	26.000	
88	Cao khô lá bạch quả (tương đương không dưới 28,8mg flavonoid toàn phần)	120mg	Nhóm 4	Viên	Uống	Viên	10.000	
89	Adrenalin	1mg/1ml	Nhóm 4	Thuốc tiêm	Tiêm	Ống/ Lọ	135	
90	Diphenhydramin hydroclorid	10mg/1ml	Nhóm 4	Thuốc tiêm	Tiêm	Ống/ Lọ	90	
91	Atropin sulfat	0,25mg/ml, 1ml	Nhóm 4	Thuốc tiêm	Tiêm	Ống/ Lọ	150	
92	Tranexamic acid	250mg/5ml	Nhóm 1	Thuốc tiêm	Tiêm	Ống/ Lọ	60	
93	Drotaverine hydrochloride	40mg/2ml	Nhóm 1	Thuốc tiêm	Tiêm	Ống/ Lọ	60	
94	Calciclorid	500mg/5ml	Nhóm 4	Thuốc tiêm	Tiêm	Ống/ Lọ	60	
95	Methylprednisolone	40mg/ ml	Nhóm 1	Thuốc tiêm	Tiêm	Ống/ Lọ	36	
96	Metoclopramid	10mg/2ml	Nhóm 1	Thuốc tiêm	Tiêm	Ống/ Lọ	15	

[illegible]

PHỤ LỤC 2.

(Kèm thư mời báo giá số /TM-KSBT của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An ngày /6/2024)

Tên đơn vị cung cấp

Địa chỉ

Số điện thoại

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An
(Tên đơn vị)..... có số đăng ký kinh doanh được cấp bởi.....
Căn cứ thư mời báo giá số /TM-KSMT ngày tháng năm 2024 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An và khả năng cung ứng của quý công ty, chúng tôi xin gửi tới Quý Trung tâm bản báo giá các mặt hàng như sau:

TT	TT theo phụ lục 1	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Quy cách	Số lượng	Đơn giá sau VAT (đồng)	Thành tiền (đồng)	Giá kê khai (đồng)	Số đăng ký
1														
2														
...														
Tổng tiền....mặt hàng														

Giá chào đã bao gồm chi phí vận chuyển, bàn giao và các chi phí liên quan khác
Báo giá có hiệu lực ngày kể từ ngày 01/7/2024.

....., ngày tháng năm 2024
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ ĐƠN GIÁ

